TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ- PT
Ngày 26 tháng 2 năm 2019
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 2 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2019/TLPT-HNPT ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 98/2018/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐ-PT ngày 30/01/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường X , thị xã Y, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH N– Lô V2 khu công nghiệp M, huyện A(thị xã Y), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Quang H, sinh năm 1983; địa chỉ: địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường X , thị xã Y, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH N– Lô V2 khu công nghiệp M, huyện A(thị xã Y), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Trịnh Quang H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị K trình bày: Qua thời gian tìm hiểu Bà và ông Trịnh Quang H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã B, huyện Đ ngày 28 tháng 9 năm 2009. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại phường X, thị xã Y.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không quan tâm đến vợ con, cờ bạc ăn chơi, bất đồng về tài chính. Tháng 9 năm 2017 Bà đã về nhà ngoại sinh sống một thời gian, đến đầu năm 2018 mới quay về. Tuy nhiên ông H vẫn không thay đổi cách sống mà còn có người phụ nữ khác. Nay, Bà thấy đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, Bà không còn tình cảm gì với ông H nữa nên đề nghị Tòa giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Trịnh Quang H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là cháu Trịnh Hương G, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2011. Bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng một tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà và ông H có tạo lập được tài sản chung là: quyền sử dụng đất diện tích 213m^2 (trong đó có 40m^2 đất ở) thuộc thửa 1635, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp T, phường X , thị xã Y, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 1 ngày 27/01/2011 đứng tên ông H. Trên đất có căn nhà cấp 4 loại 1 diện tích 100m^2. Bà yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản trên theo pháp luật và Bà có nguyện vọng được chia bằng hiện vật cho cả hai, nếu không tách thửa được thì Bà nhận nhà đất và hoàn lại ½ giá trị cho ông H.

Ngoài ra Bà và ông H có một sổ tiết kiệm 100 triệu đồng. Bà không yêu cầu chia mà tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Bà đồng ý với giá của hội đồng định giá.

Bị đơn, ông Trịnh Quang H trình bày: Về việc chung sống và kết hôn đúng như bà K trình bày. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, Ông thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay, bà K xin ly hôn thì Ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà K có một con chung như bà K trình bày. Ông đồng ý để bà K trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng một tháng.

Về tài sản chung: Ông xác nhận tài sản chung của vợ chồng như bà K trình bày. Ông cũng có nguyện vọng được nhận tài sản bằng hiện vật và hoàn ½ giá trị cho bà K với lý do Ông là con trưởng cần có nhà đất để thờ cúng ông bà tổ tiên. Về sổ tiết kiệm thì Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Ông đồng ý với giá của hội đồng định giá.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 98/2018/HNGĐ-ST ngày 01/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 273 Bộ luật dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với ông Trịnh Quang H về "Ly hôn và tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Trịnh Quang H.

- Về con chung: Bà K và ông H có 01 con chung là cháu Trịnh Hương G sinh ngày 17 tháng 5 năm 2011. Giao con chung là cháu Trịnh Hương G cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trịnh Quang H phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng một tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực.

Ông Trịnh Quang H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản: Công nhận tài sản là đất và các công trình kiến trúc trên đất diện tích 213m^2 (trong đó có 40m^2 đất ở) thuộc thửa 1635, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp T, phường X , thị xã Y, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 1 ngày 27/01/2011 đứng tên ông H là tài sản chung của ông H và bà K.

Giao cho bà Nguyễn Thị K được toàn quyền sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất diện tích 213m^2 (trong đó có 40m^2 đất ở) thuộc thửa 1635, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp T, phường X , thị xã Y, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Buộc bà Nguyễn Thị K hoàn ½ giá trị tài sản chung tương đương số tiền là 253.940.000 đồng cho ông Trịnh Quang H.

Buộc ông Trịnh Quang H có nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất diện tích 213m^2 (trong đó có 40m^2 đất ở) thuộc thửa 1635, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại T, phường X , thị xã Y cùng toàn bộ công trình, vật kiến trúc và cây xanh có trên đất.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí, lệ phí tòa án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, ông Trịnh Quang H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ông H định giá nhà 700 triệu đồng, Ông nhận nhà đất để thờ cúng tổ tiên và hoàn giá trị tài sản cho bà K là 350 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trịnh Quang H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa công nhận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông H và bà K thỏa thuận với nhau về việc giải quyết phần chia tài sản như sau: Bà K được sở hữu nhà đất và hoàn lại giá trị tài sản được chia cho ông H là 300.000.000 đồng. Thỏa thuận trên của các đương sự là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trịnh Quang H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 243, 244, 245 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Các bên thuận tình ly hôn và không kháng cáo.

- Về con chung: Các bên thỏa thuận được việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con và không kháng cáo.

- Về nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Tài sản chung là thửa đất diện tích 213m^2 (trong đó có 40m^2 đất ở) thuộc thửa 1635, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp T, phường X , thị xã Y, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng toàn bộ công trình, vật kiến trúc và cây xanh có trên đất giao cho bà Nguyễn Thị K; bà K phải hoàn trả ½ giá trị tài sản chung là 300.000.000 đồng cho ông Trịnh Quang H.

Hội đồng xét xử thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Do bản án sơ thẩm sửa theo thỏa thuận của các đương sự nên tính lại án phí sơ thẩm. Án phí phúc thẩm ông Huy phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự;

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 98/2018/HNGĐ-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ như sau:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Trịnh Quang H.

2. Về con chung: Bà K và ông H có 01 con chung là cháu Trịnh Hương G sinh ngày 17 tháng 5 năm 2011. Bà Nguyễn Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trịnh Hương G cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trịnh Quang H phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 *(một triệu năm trăm ngàn)* đồng một tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trịnh Quang H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản:

- Bà Nguyễn Thị K được sở hữu quyền sử dụng đất diện tích 213m^2 (trong đó có 40m^2 đất ở) thuộc thửa 1635, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp T, phường X , thị xã Y và tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 1 ngày 27/01/2011 đứng tên ông Trịnh Quang H.

(Vị trí, kích thước thửa đất theo sơ đồ đo vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Y lập ngày 11/9/2018).

- Bà Nguyễn Thị K phải hoàn trả ½ giá trị tài sản chung là 300.000.000 *(ba trăm triệu)* đồng cho ông Trịnh Quang H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Ông Trịnh Quang H có nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất diện tích 213m^2 (trong đó có 40m^2 đất ở) thuộc thửa 1635, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp T, phường X, thị xã Y, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng toàn bộ tài sản trên đất cho bà K.

Các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

4. Chi phí, lệ phí, án phí Tòa án:

- Chi phí tố tụng: Ông Trịnh Quang H phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.247.500 (*hai triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm*) đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng nhưng được khấu trừ 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000654 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT. Bà K đã nộp đủ.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh Quang H phải nộp 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị K phải nộp 15.000.000 *(mười lăm triệu)* đồng nhưng được khấu trừ 10.000.000 *(mười triệu)* đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003108 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án thị xã Y, tỉnh BR-VT. buộc bà V phải nộp thêm 5.000.000 (*năm triệu*) đồng. Ông Trịnh Quang H phải nộp 15.000.000 *(mười lăm triệu)* đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Trịnh Quang H phải nộp 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng nhưng được khấu trừ 300.000 *(ba trăm ngàn)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005440 ngày 15/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Y, tỉnh BR-VT. Ông H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/02/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Bắc

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BRVT;
- TAND TX. Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA TX. Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.